TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2024/DS-ST
Ngày: 03/12/2024
V/v: Tranh chấp "Hợp đồng thuê tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Nhơn.**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Huỳnh Văn Hoàn.**
Bà **Nguyễn Thị Kim Hạnh.**
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 385/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng thuê tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024, các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Trần Trọng N,** sinh năm 1986.

Địa chỉ: Kp 1, thị trấn MP, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Phan Nguyễn Kiều K, sinh năm 2000. Địa chỉ: kp1, thị trấn MP, huyện TPc, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt-có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Duy C**, sinh năm 1999. Địa chỉ: ấp PT, xã PN, huyện C L, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 27/6/2024 nguyên đơn anh Trần Trọng N, có đại diện theo ủy quyền chị Phan Nguyễn Kiều K trình bày:*

Ngày 01/10/2023, anh Trần Trọng N có mua của anh Phạm Duy C 01 xe môtô nhãn hiệu Honda; màu sơn bạc, xám; số máy JF63E1781289; số khung RLHJF6307EZ788247; biển số 63C1-339.27 với số tiền là 9.000.000đồng. Khi mua bán hai bên có lập hợp đồng mua bán xe đề ngày 01/10/2023, anh N đã giao đủ tiền cho anh C. Tuy nhiên, sau khi anh C bán xe cho anh N, thì anh C không có xe để làm phương tiện đi lại, nên đến ngày 04/10/2023 anh N và anh C đã lập hợp đồng thuê chiếc xe nêu trên có nội dung như sau: Thời gian thuê là 02 tháng kể từ ngày 04/10/2023 đến ngày 04/12/2023, phí thuê xe là 900.000đồng/tháng, thời gian thanh toán tiền thuê xe tính từ ngày bắt đầu thuê xe 30 ngày 01 lần. Sau khi hết thời gian thuê anh C có nghĩa vụ trả lại tài sản là chiếc xe cho anh N. Tuy nhiên sau khi thuê xe, anh C chỉ trả lãi cho anh N được 01 tháng là 900.000đồng thì ngưng, từ ngày 04/11/2023 anh C không trả lãi cho anh N nữa.

Nay anh Trần Trọng N yêu cầu anh Phạm Duy C trả lại chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda; màu sơn bạc, xám; số máy JF63E1781289; số khung RLHJF6307EZ788247; biển số 63C1-339.27 và tiền thuê xe tính từ ngày 04/11/2023 đến ngày xét xử 3/12/2024 làm tròn là 12 tháng x 900.000đồng/tháng, thành tiền là 10.800.000đồng.

+ Bị đơn anh Phạm Duy C trình bày:

Thống nhất việc mua bán xe và thuê xe như phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Tuy làm hợp đồng bán xe nhưng chưa sang tên, anh vẫn còn đứng tên giấy trên giấy đăng ký xe. Giấy đăng ký xe do anh N giữ bản chính. Nay anh đồng ý trả cho anh N tiền mua bán xe là 9.000.000đồng và tiền thuê xe tính từ ngày 04/10/2023 đến ngày 04/11/2024 là 13 tháng x 900.000đồng/tháng, thành tiền là 11.700.000đồng. Tuy nhiên, anh đã trả được 01 tháng tiền thuê xe là 900.000đồng nên số tiền thuê xe còn lại là 10.800.000đồng. Tổng cộng tiền bán xe và tiền thuê xe là 19.800.000đồng. Tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh xin trả dần trong hạn 03 tháng, chia thành 02 lần trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Trọng N, có đại diện theo ủy quyền là chị Phan Nguyễn Kiều K có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn Phạm Duy C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị K và anh C.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là "Hợp đồng thuê tài sản".

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trần Trọng N, xét thấy:

[3.1] Nguyên đơn anh Trần Trọng N và anh Phạm Duy C trình bày thống nhất vào ngày 04/10/2023, anh Trần Trọng N có cho anh Phạm Duy C thuê 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda; màu sơn bạc, xám; số máy JF63E1781289; số khung RLHJF6307EZ788247; biển số 63C1-339.27. Thời gian thuê là 02 tháng kể từ ngày 04/10/2023 đến ngày 04/12/2023, phí thuê xe là 900.000đồng/tháng, thời gian thanh toán tiền thuê xe tính từ ngày bắt đầu thuê xe 30 ngày 01 lần. Sau khi thuê xe anh N trả tiền thuê xe được tháng đầu tiên với số tiền 900.000đồng thì ngưng không trả.

Hội đồng xét xử xét thấy đây là tình tiết, sự kiện được cả nguyên đơn và bị đơn thừa nhận nên thuộc tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, sau khi thuê xe anh C không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền thuê, khi thời hạn thuê đã hết, anh C không thực hiện nghĩa vụ trả lại tài sản thuê cho anh N là vi phạm nghĩa vụ của bên thuê theo thỏa thuận tại Điều II của hợp đồng thuê xe ngày 04/10/2023 giữa anh N và anh C.

[3.2] Bị đơn anh Phạm Duy C yêu cầu được trả lại cho anh N tiền mua bán xe là 9.000.000đồng và tiền thuê xe tính từ ngày 04/11/2023 đến ngày xét xử là 10.800.000đồng. Tổng cộng tiền bán xe và tiền thuê xe là 19.800.000đồng. Tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh xin trả dần trong hạn 03 tháng, chia thành 02 lần trả. Xét yêu cầu này của anh C là không phù hợp với quy định của pháp luật và cũng không được phía nguyên đơn chấp nhận, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của anh C.

Từ những nhận định và phân tích như trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc anh Trần Trọng N khởi kiện yêu cầu anh Phạm Duy C trả lại chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda; màu sơn bạc, xám; số máy JF63E1781289; số khung

RLHJF6307EZ788247; biển số 63C1-339.27 và tiền thuê xe tính từ ngày 04/11/2023 đến ngày xét xử là 10.800.000đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn anh Phạm Duy C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 472, 473, 474, 481, 482 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Trọng N.

1. Buộc anh Phạm Duy C có nghĩa vụ trả cho anh Trần Trọng N 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda; màu sơn bạc, xám; số máy JF63E1781289; số khung RLHJF6307EZ788247; biển số 63C1-339.27 và tiền thuê xe là 10.800.000đồng, thực hiện sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày anh Trần Trọng Nhận có yêu cầu thi hành án, nếu anh Phạm Duy C chậm thi hành số tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Phạm Duy C phải chịu 990.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh Trần Trọng N 405.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016895 ngày 07/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4. Anh Trần Trọng N và anh Phạm Duy C có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Nhơn